

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuận
2. Bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, TT E, huyện C, tỉnh Đ (Có mặt)

Bị đơn: Chị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày đề ngày 03/5/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh L trình bày:

Anh L và chị H kết hôn vào năm 2009, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 19/3/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ.

Anh chị kết hôn tự nguyện, sau khi cưới anh chị cùng chung sống tại nhà anh L thuộc Tổ dân phố 2, TT E, huyện C, tỉnh Đ và hạnh phúc trong thời gian hai năm đầu. Về sau vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H thay đổi, không quan tâm chăm sóc gia đình, ăn chơi đàn đúm bạn bè; vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp trong việc chia sẻ trách nhiệm chăm lo cho gia đình con cái; năm 2015 chị H bỏ nhà đi về nhà mẹ đẻ tại thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ rồi sau đó đi làm ăn ở đâu anh L không biết. Anh L đã cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng, nhờ gia đình chị H khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Xét vợ chồng tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Long, chị H có hai con chung là L, sinh ngày 20/11/2009 và V, sinh ngày 02/01/2012; hai con hiện nay đang được anh L nuôi dưỡng, anh L có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định không có.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chị H vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chị H vắng mặt không có lý do, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của nguyên đơn đảm bảo, các con lại đang sống cùng anh L nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị H. Chị H có hộ khẩu thường trú tại TDP2, TT E, huyện C, tỉnh Đ và cư trú tại thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Chị H’Hoa đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tổ tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L khai nhận anh và chị H chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký kết hôn tại UBND TT E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 19/3/2009 đúng quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn nên HĐXX xác định hôn nhân giữa anh L và chị H là hợp pháp. Chị H và anh L chung sống hạnh phúc được hai năm đầu, về sau bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không quan tâm chăm sóc gia đình, ăn chơi đàn đúm bạn bè; vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp trong việc chia sẻ trách nhiệm chăm lo cho gia đình con cái. Năm 2015 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ rồi đi làm ăn nơi khác, sống ly thân anh Long từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không còn tình cảm với nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh L ly hôn chị H.

Về con chung: Anh L, chị H có hai con chung là L, sinh ngày 20/11/2009 và V, sinh ngày 02/01/2012; hai con hiện nay đang được anh L nuôi dưỡng, anh Long có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Xét anh L đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo sự phát triển bình thường của các con, cháu L, cháu V cũng có nguyện vọng ở với bố nên HĐXX chấp nhận. Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân

và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh L được ly hôn chị H. Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 19/3/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung L, sinh ngày 20/11/2009 và V, sinh ngày 02/01/2012 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong trường hợp anh L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, chị H hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

3. Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000575 ngày 07/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ. Anh L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND TT E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN THỊ TRÚC LINH

